

Số: 2147 /UBND-KGVX

Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2026

V/v báo cáo công tác tuyển dụng và
nhu cầu đào tạo giáo viên theo quy
định tại Nghị định số 116

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Triển khai Công văn số 224/BGDĐT-GDĐH ngày 19/01/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo công tác tuyển dụng, đào tạo giáo viên theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP; trên cơ sở tổng hợp kết quả rà soát từ các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo tình hình thực hiện cụ thể như sau:

1. Kết quả tuyển dụng sinh viên sư phạm tốt nghiệp:

UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị chức năng rà soát, thống kê số lượng sinh viên sư phạm được đào tạo theo chính sách hỗ trợ của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP đã tốt nghiệp và được tuyển dụng vào các vị trí việc làm tại địa phương.

- **Trình độ Đại học (tuyển sinh năm 2021):** Tổng số đã tuyển dụng là **02** chỉ tiêu vào vị trí giảng dạy.

- **Trình độ Cao đẳng (tuyển sinh năm 2021):** Tổng số đã tuyển dụng là **04** chỉ tiêu, trong đó có 03 chỉ tiêu tuyển dụng năm 2024 và 01 chỉ tiêu tuyển dụng năm 2025. *(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).*

2. Nhu cầu đào tạo giáo viên năm 2027:

Căn cứ thực trạng đội ngũ và định hướng phát triển giáo dục, UBND tỉnh xác định nhu cầu đào tạo giáo viên cho năm tuyển sinh 2027 là **435** chỉ tiêu. Trong đó:

- **Hệ công lập:** 390 chỉ tiêu.

- **Hệ ngoài công lập:** 45 chỉ tiêu.

- **Một số ngành trọng điểm:** Giáo dục Tiểu học (133 chỉ tiêu), Giáo dục Mầm non trình độ Đại học (86 chỉ tiêu), Sư phạm Tiếng Anh (31 chỉ tiêu)....

(Chi tiết theo Mẫu số 03 tại Phụ lục 2 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đ/c Lâm Hải Giang - PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN SƯ PHẠM TỐT NGHIỆP ĐƯỢC TUYỂN DỤNG
THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 116**

(Kèm theo công văn số /UBND-KGVX ngày /02/2026 của UBND tỉnh)

Trình độ đào tạo	Sinh viên trúng tuyển năm	Sinh viên sư phạm tốt nghiệp được tuyển dụng theo quy định tại Nghị định số 116							Ghi chú
		Tổng	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
			Vị trí việc làm 1[1]	Vị trí việc làm 2[2]	Vị trí việc làm 1	Vị trí việc làm 2	Vị trí việc làm 1	Vị trí việc làm 2	
Đại học	2021	2					2		
Đại học	2022								
Cao đẳng[3]	2021	4			3		1		
Cao đẳng	2022								
Cao đẳng	2023								

[1] Giáo viên, giảng viên làm nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu hoặc chuyên môn, viên chức làm công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, các cơ sở giáo dục khác được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập, các cơ quan nghiên cứu khoa học về giáo dục và đào tạo; (điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 116).

[2] Công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục theo quy định của Nghị định quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục. (điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 116).

[3] Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

BÁO CÁO NHU CẦU ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NĂM 2027

(Kèm theo Công văn số: /UBND-KGVX ngày /02/2026 của UBND tỉnh)

STT	Mã ngành	Tên ngành	Nhu cầu đào tạo giáo viên của năm kế tiếp năm báo cáo		Ghi chú
			Công lập	Ngoài CL	
1	7140202	Giáo dục Tiểu học	117	16	
2	7140204	Giáo dục Công dân	12		
3	7140205	Giáo dục Chính trị	1		
4	7140206	Giáo dục Thể chất	17	2	
5	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	1		
6	7140209	Sư phạm Toán học	19	1	
7	7140210	Sư phạm Tin học	18		
8	7140211	Sư phạm Vật lý	4		
9	7140212	Sư phạm Hoá học	3		
10	7140213	Sư phạm Sinh học	6		
11	7140214	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	5		
12	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	3		
13	7140217	Sư phạm Ngữ văn	18		
14	7140218	Sư phạm Lịch sử	11		
15	7140219	Sư phạm Địa lý	1		
16	7140221	Sư phạm Âm nhạc	7		
17	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	11		
18	7140223	Sư phạm Tiếng Bana			
19	7140224	Sư phạm Tiếng Êđê			
20	7140225	Sư phạm Tiếng Jrai	3		
21	7140226	Sư phạm Tiếng Khmer			
22	7140227	Sư phạm Tiếng H'mong			
23	7140228	Sư phạm Tiếng Chăm			
24	7140229	Sư phạm Tiếng M'nông			
25	7140230	Sư phạm Tiếng Xê đăng			
26	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	29	2	
27	7140232	Sư phạm Tiếng Nga			
28	7140233	Sư phạm Tiếng Pháp			
29	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc			
30	7140235	Sư phạm Tiếng Đức			
31	7140236	Sư phạm Tiếng Nhật			
32	7140237	Sư phạm Tiếng Hàn Quốc			
33	7140246	Sư phạm công nghệ	2		
34	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	7		
35	7140248	Giáo dục pháp luật			
36	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	9		
37	7140201	Giáo dục Mầm non (trình độ ĐH)	65	21	
38	7140203	Giáo dục Đặc biệt			
39	51140201	Giáo dục Mầm non (trình độ CĐ)	21	3	
40		Ngành khác (nếu có)			
		Cộng	390	45	